TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SI MA CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 7 -2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Phi Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông La Mạnh Đào
2. Ông Lý Sín Phong

- Thư ký phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại nhà văn hóa thôn Phố Cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ma A N
Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Thào Thị D
Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Thào A Tr
Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
3. Người phiên dịch: Ông Hoàng Seo T
Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2017, các bản tự khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Ma A N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thào Thị D tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn nhưng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi về chung sống với nhau, anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2015 thì

phát sinh mâu thuẫn. Theo anh, nguyên nhân là do chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh và gia đình đã tham gia khuyên bảo nhiều lần nhưng chị D không nghe, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ tháng 01 năm 2016 âm lịch đến nay anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng không thể khắc phục được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Thào Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Thào Thị D có bốn người con chung là cháu Ma A Dùng, sinh ngày 26/02/1990; cháu Ma A Lử, sinh ngày 11/8/1991; cháu Ma Thị Súng, sinh ngày 02/01/1995 và cháu Ma Thị Dung, sinh ngày 21/11/1998. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, anh và chị Thào Thị D có tạo dựng được một số tài sản chung. Khi ly hôn anh để tự thỏa thuận chia với chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh và chị Thào Thị D nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai – Phòng Giao dịch huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc giai đoạn 2015-2020 theo hợp đồng tín dụng lập ngày 20/10/2015, thời hạn cho vay là 36 tháng. Đến nay do khoản nợ này chưa đến hạn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh N xác nhận đã nhận đủ các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đề nghị Tòa án sao gửi cho anh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn và không có ý kiến bổ sung thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017; ngày 10/5/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Thào Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị D hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh N về thời gian anh và chị về chung sống với nhau như vợ chồng, cũng như thời gian anh chị sống ly thân. Tuy nhiên, theo chị thời điểm phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị là từ năm 1993. Nguyên nhân do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi biết chuyện, chị đã góp ý cho anh, nhưng anh không nghe mà còn có hành vi đánh đập chị, vì vậy cuộc sống chung giữa hai người không hạnh phúc. Vì nghĩ rằng các con còn nhỏ và được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nên chị đã cố gắng chịu đựng. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị D xác nhận có bốn người con chung như anh N đã trình bày là đúng. Hiện nay cả bốn cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D xác nhận quá trình chung sống chị và anh N có tạo dựng được một số tài sản chung. Khi ly hôn chị cũng thống nhất để tự thỏa thuận chia với anh N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị D cũng xác nhận, hiện nay chị và anh N nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện

Bắc Hà, tỉnh Lào Cai – Phòng Giao dịch huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là đúng. Nhưng vì khoản vay này chưa đến hạn trả nợ nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị D xác nhận đã nhận đủ các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đề nghị Tòa án sao gửi cho chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhất trí với trình bày của bị đơn và không có ý kiến bổ sung thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và của Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ tranh chấp cần giải quyết. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản, gửi văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đảm bảo kịp thời đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, người phiên dịch đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 76, 82 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ của vụ án mà các bên đương sự đã giao nộp, nhận thấy có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận anh Ma A N và chị Thào Thị D là vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố anh Ma A N và chị Thào Thị D không phải là vợ chồng. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và chuẩn bị xét xử xét xử, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã tống đạt, chuyển giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát, thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, người phiên dịch đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,

72, 76, 82 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Xét thấy, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là công tâm, khách quan nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, nội dung trình bày của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Anh N và chị D đều xác nhận anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh N là do chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Ngược lại chị D cho rằng anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, vì vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tuy nhiên, anh chị đều không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Nay anh chị xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được anh N và chị D đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Tại phiên hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố, không công nhận anh Ma A N và chị Thào Thị D là vợ chồng, vì anh N và chị D tự nguyện về chung sống nhau từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn là trái với quy định của phát luật. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Ma A N và chị Thào Thị D đều xác nhận, quá trình chung sống anh chị có bốn người con chung là cháu Ma A Dùng, sinh ngày 26/02/1990; cháu Ma A Lử, sinh ngày 11/8/1991; cháu Ma Thị Súng, sinh ngày 02/01/1995 và cháu Ma Thị Dung, sinh ngày 21/11/1998. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Anh và chị Thào Thị D đều xác nhận có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai - Phòng Giao dịch huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc giai đoạn 2015-2020 theo hợp đồng tín dụng lập ngày 20/10/2015, thời hạn cho vay là 36 tháng. Đến nay do khoản nợ này chưa đến hạn thanh toán vì vậy anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Ma A N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận anh Ma A N và chị Thào Thị D là vợ chồng.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Ma A N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004485 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND; VKSND tỉnh (2);
- VKSND huyện (1);
- UBND xã Sín Chéng (1);
- Đương sự (2);
- Người BVQ& LIHP của đương sự (2);
- THADS (1);
- Lưu HS – TA- VP (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long